TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HN-ST
Ngày: 30/01/2024
V/v "*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hiền.

2. Ông Nguyễn Công Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 401/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Văn Hoàng L, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* Chị Trần Anh T, sinh năm 1998 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số F, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2023, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/12/2023, anh Đoàn Văn Hoàng L trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Anh T cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/7/2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 9/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T bỏ sang Trung Quốc, đến năm 2022 quay về rồi dọn ra ở riêng, đến nay đã chung sống với người khác như vợ chồng và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng anh cũng không có tới lui

và nhờ gia đình hai bên tác động hàn gắn. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với chị T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Anh T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên là Đoàn Văn D, sinh ngày 28/02/2016 và cháu Đoàn Tiểu M, sinh ngày 05/7/2019. Nay xin ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D, cháu M và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Trần Anh T đều vắng mặt không gửi văn bản thể hiện ý kiến xin hàn gắn.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đoàn Văn Hoàng L đối với chị Trần Anh T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử để cháu Đoàn Văn D, sinh ngày 28/02/2016; cháu Đoàn Tiểu M, sinh ngày 05/7/2019 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự nguyện của anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đoàn Văn Hoàng L vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Văn Hoàng L và chị Trần Anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh L và chị T sống hạnh phúc đến tháng 9/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T bỏ sang

Trung Quốc, đến năm 2022 quay về rồi dọn ra ở riêng, không còn chung sống với anh nữa. Hiện nay, chị T đã chung sống với người khác như vợ chồng và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Mặt khác, chị T biết được anh L xin ly hôn với chị nhưng chị vẫn không gửi văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn đến Tòa án. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh L với chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Đoàn Văn D, sinh ngày 28/02/2016 và cháu Đoàn Tiểu M, sinh ngày 05/7/2019; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh L sống ly thân, cháu D, cháu M vẫn do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, trong quá trình tố tụng và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L đều yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D và cháu M. Trong khi đó, chị T không có ý kiến yêu cầu nuôi cháu D và cháu M. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 21/11/2023 của Tòa án, cháu D cũng có nguyện vọng sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu D và cháu M cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Đoàn Văn Hoàng L có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Văn Hoàng L đối với chị Trần Anh T.

2. Về con chung: Anh Đoàn Văn Hoàng L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Văn D, sinh ngày 28/02/2016 và cháu Đoàn Tiểu M, sinh ngày

05/7/2019 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 21/11/2023 của Tòa án, cháu D có nguyện vọng sống với cha). Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), anh Đoàn Văn Hoàng L có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001317 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, anh L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Đoàn Văn Hoàng L, chị Trần Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ